

Bài 34. NHÂN GIỐNG VẬT NUÔI (1 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài này, GV phải làm cho HS :

1. Biết được thế nào là chọn phối và các phương pháp chọn phối vật nuôi.
2. Hiểu được khái niệm và phương pháp nhân giống thuần chủng vật nuôi.

II. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Gợi ý phân bố bài giảng

Bài có 2 phần :

I. Chọn phối

II. Nhân giống thuần chủng

2. Một số kiến thức bổ sung

2.1. Vài nét về giống lợn Ủ

Lợn Ủ là giống lợn địa phương vùng Đồng bằng sông Hồng. Giống lợn Ủ có 2 loại hình : Ủ mỡ và Ủ pha. Lợn Ủ mỡ (còn gọi là Ủ nhãn) toàn thân màu đen, mặt ngắn, mõm ngắn, trán có nhiều nếp nhăn hằn sâu làm cho mõm có vẻ cong lên. Lợn Ủ mỡ có tầm vóc bé, mình ngắn, chân thấp, bụng sệ. Ủ mỡ thành thực sớm,

mắn dẻ. Mỗi lứa đẻ 8–10 con, lợn sơ sinh cân nặng 0,3 – 0,4kg/con. Lợn Ỉ có khả năng chống chịu với bệnh tật cao.

Lợn Ỉ pha toàn thân cũng màu đen, chân cao, bụng gọn hơn lợn Ỉ mỡ, mõm thẳng, mặt không nhăn. Sức sản xuất của lợn Ỉ pha không thua kém với lợn giống Móng Cái.

Ví dụ : Số con/lứa : Ỉ pha 11,7 thì Móng Cái : 11,08.

Số con cai sữa : Ỉ pha 10,7 con/lứa thì lợn Móng Cái 10,4 con/lứa.

2.2. Vài nét về giống gà Rốt (Rhode–Island)

Giống gà Rốt bắt nguồn từ Mỹ. Gà Rốt thuộc giống kiêm dụng thịt– trứng, mình dài, ngực rộng, bộ lông dày phát triển, màu lông đỏ nâu, đẹp mã, lông đuôi có những ánh màu xanh, phần cuối lông đuôi có màu đen, chân chắc chắn, màu vàng, mỏ vàng, mào thẳng, tích tai màu đỏ thẫm.

Gà trưởng thành, con trống cân nặng 3,5 – 3,8kg, con mái cân nặng 2,7 – 3,0kg, sản lượng trứng 170 quả/năm, trứng nặng 55 – 60 g/quả. Vỏ trứng màu nâu nhạt. Viện Chăn nuôi quốc gia Thụy Phương đã lai gà Rốt với gà Ri tạo ra gà lai Rốt Ri chăn nuôi thả vườn.

2.3. Giống lợn Móng Cái được nuôi rộng rãi ở các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, ven biển miền Trung và Tây Nguyên. Lợn Móng Cái là nái nền cơ bản để lai với lợn đực ngoại như Đại Bạch và Landorot.

Lợn Móng Cái có đặc điểm ngoại hình là : đầu đen, giữa trán có một đốm trắng hình tam giác hoặc hình thoi mà đường chéo dài theo chiều dài của mặt lợn. Mõm trắng, bụng và 4 chân trắng. Các phần trắng nối với nhau bằng một vành trắng vắt qua vai làm cho phần còn lại trên lưng và mông có hình dáng như cái yên ngựa. Ở chỗ tiếp giáp giữa lông đen và trắng có một khoảng mờ rộng khoảng 2cm, da đen, lông trắng. Đặc điểm lông da của lợn Móng Cái là cố định.

Lợn Móng Cái có khả năng sinh sản cao. Mỗi lứa đẻ từ 10 – 16 con, trung bình là 11,6 con/lứa. Thể trọng sơ sinh : 0,5 – 0,7kg/con, cai sữa đạt 6 – 8kg/con. Mổ thịt ở thể trọng 100kg, tỉ lệ móc hàm cho 79%, tỉ lệ nạc 38,6%, dày mỡ lưng 4,5cm. Mổ thịt lúc 9 tháng tuổi, đạt 63 – 65kg, có tỉ lệ móc hàm 78%, tỉ lệ nạc 44,1%, dày mỡ lưng 3,6cm.

Sử dụng nái lai F₁ (Đại Bạch × Móng Cái hoặc Landorot × Móng Cái) làm nền để tạo con lai 3/4 máu ngoại nuôi thịt đã nâng cao tỉ lệ nạc trong thành phần thịt xẻ lên 48 – 49%.

2.4. Giống lợn Ba Xuyên là giống lợn có ở miền Tây Nam Bộ. Lợn Ba Xuyên có đặc điểm lông, da đen đốm trắng nên còn gọi là heo bóng. Con trưởng thành

nặng 120–150kg, hướng mỡ nạc. Nuôi lấy thịt 10–12 tháng tuổi nặng 70–80kg. Lai kinh tế lợn Ba Xuyên với các giống lợn ngoại cho năng suất cao.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Chuẩn bị bài giảng

1.1. Chuẩn bị nội dung

Nghiên cứu SGK và các tài liệu liên quan.

1.2. Chuẩn bị đồ dùng dạy học

Tranh vẽ hoặc ảnh chụp các giống vật nuôi đã giới thiệu trong SGK hoặc tự sưu tầm để minh họa cho giảng dạy và học tập.

2. Các hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động 1. Giới thiệu bài học

GV nêu mục tiêu của bài học.

Bài này HS cần lĩnh hội được 2 vấn đề :

– Sự chọn phối để phát huy tác dụng của chọn lọc. Tùy mục tiêu nhân giống mà chọn phối con đực và con cái cùng giống hay khác giống.

– Nhân giống thuần chủng để tạo ra nhiều cá thể của giống đã có, để giữ vững và hoàn chỉnh phẩm giống.

Bài này GV có thể gợi ý để HS lấy các dẫn chứng trong thực tế đời sống ở gia đình, làng, xã... tham gia xây dựng bài.

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về chọn phối

GV có thể dùng phương pháp nêu vấn đề, hướng dẫn HS lần lượt trả lời các câu hỏi đã nêu trong SGK :

Thế nào là chọn phối ?

Chọn phối như thế nào ?

Sau khi dùng tranh hoặc ảnh để giới thiệu 2 ví dụ về chọn phối giữa con đực và con cái cùng giống để nhân giống thuần chủng ; chọn phối giữa con đực và con cái khác giống dùng trong lai tạo, GV có thể nêu câu hỏi để HS tìm các ví dụ về chọn phối cùng giống và chọn phối khác giống, hoặc GV có thể chỉ định HS lấy các ví dụ minh họa khác.

2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu về nhân giống thuần chủng

Trong phần này GV cần dẫn dắt HS trả lời được các câu hỏi :

– GV hệ thống bài, nêu một số câu hỏi để HS trả lời.

– GV tổng kết, nhận xét đã thực hiện được các mục tiêu bài học hay chưa ?

– Dẫn dò HS trả lời câu hỏi cuối bài và chuẩn bị bài 35 SGK.

a) Nhân giống thuần chủng là gì ? Có 2 ý cần làm rõ :

– Định nghĩa nhân giống thuần chủng (là phương pháp nhân giống chọn ghép đôi giao phối con đực với con cái của cùng một giống).

– Mục đích của nhân giống thuần chủng (tạo ra nhiều cá thể của giống đã có, giữ vững và hoàn chỉnh đặc tính của giống đã có).

GV có thể dùng tranh, ảnh của giống lợn Móng Cái đã giới thiệu trong SGK hoặc các giống vật nuôi khác đã sưu tầm được để minh họa cho định nghĩa và mục đích của phương pháp nhân giống thuần chủng.

GV có thể gọi HS nêu các ví dụ khác về phương pháp nhân giống thuần chủng hoặc dùng bài tập trong SGK để kiểm tra lần lượt các HS trong lớp về sự tiếp thu bài. Bài tập nhỏ này giúp HS củng cố kiến thức về các phương pháp chọn giống và định nghĩa về nhân giống thuần chủng. Đáp án của bài tập này như sau :

Phương pháp chọn phối		Phương pháp nhân giống	
Con đực	Con cái	Thuần chủng	Lai tạo
1. Gà Logo	Gà Logo	x	
2. Lợn Móng Cái	Lợn Móng Cái	x	
3. Lợn Móng Cái	Lợn Ba Xuyên		x
4. Lợn Landorlat	Lợn Landorlat	x	
5. Lợn Landorlat	Lợn Móng Cái		x

b) Làm thế nào để nhân giống thuần chủng đạt kết quả ?

Với HS lớp 7 chưa cần phân tích sâu, chi tiết các điều kiện cần có để nhân giống thuần chủng đạt kết quả, chỉ cần HS khắc sâu được 3 ý lớn :

– Có mục đích rõ ràng.

– Có số lượng lớn vật nuôi đực và cái của giống thuần chủng tham gia vào ghép đôi giao phối.

– Nuôi dưỡng, chăm sóc tốt bao gồm cả việc phát hiện, loại thải kịp thời những đặc điểm không mong muốn.

Ví dụ : Khi nhân thuần giống gà Ri thì những cá thể nào có sản lượng trứng thấp, có tính ấp bóng mạnh, kéo dài sẽ bị loại bỏ.

2.4. Hoạt động 4. Tổng kết bài học

– GV gọi 1 hoặc 2 HS đọc phần "Ghi nhớ".